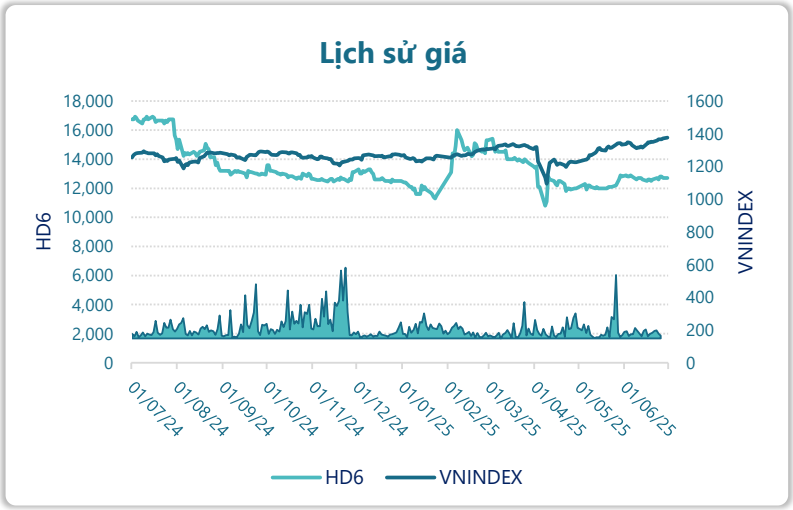
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (UPCOM: HD6)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,927
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,800
SL cổ phiếu LH	15,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,595
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
P/E	3.6
EPS	3,494

DT thuần

Q2/25

22.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.9| 113%

YoY: ▼79.5| -77.9%

LN sau thuế

Q2/25

1.33

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.24| 1380%

YoY: ▲ 0.84| 172%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

18.5%

+/- YoY: ▲ 17.6%

DT thuần

6T 2025

33.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼158| -82.6%

LN sau thuế

6T 2025

1.42

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.45| -70.8%

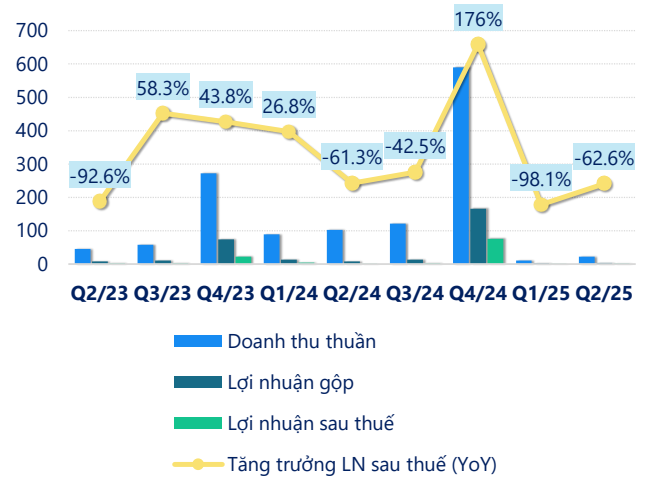
ROE

Q2/25

15.0%

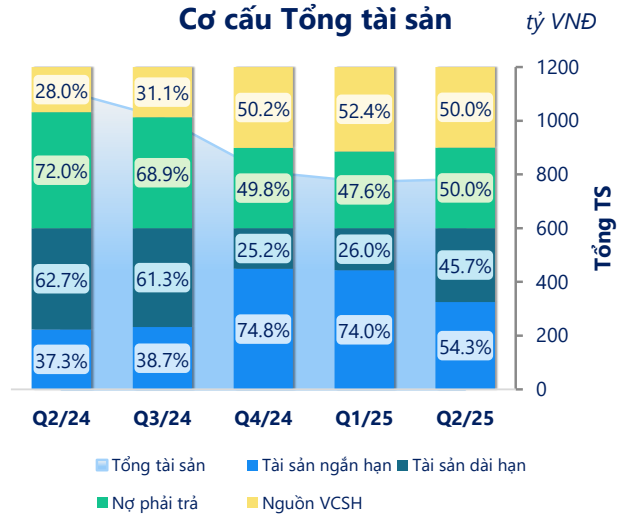
+/- YoY: ▲ 9.6%

Kết quả kinh doanh



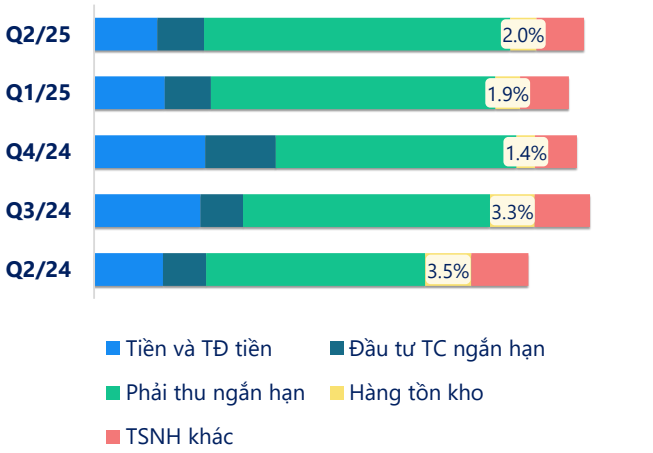
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



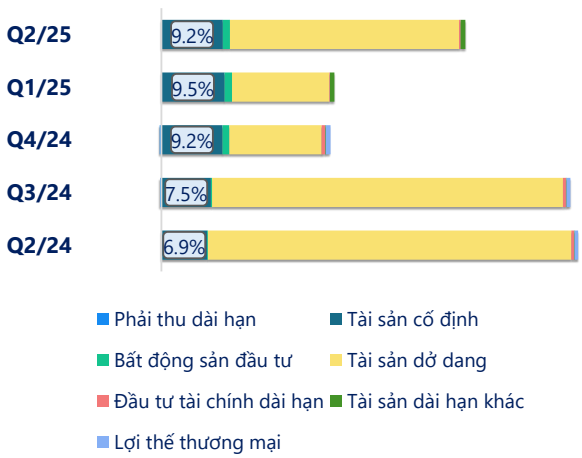
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



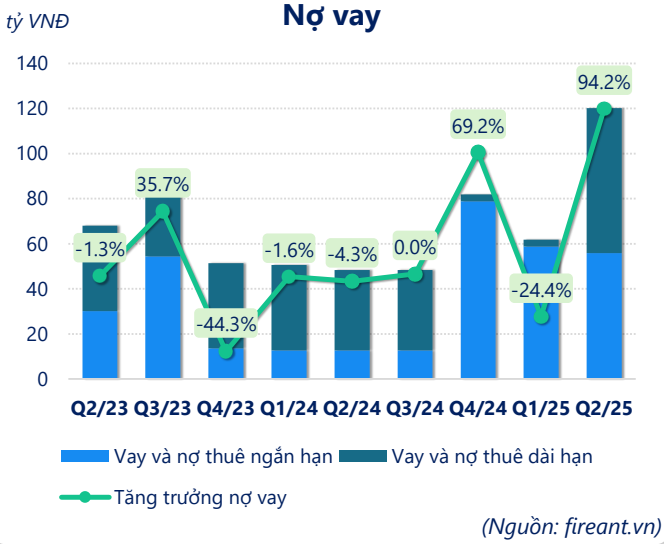
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



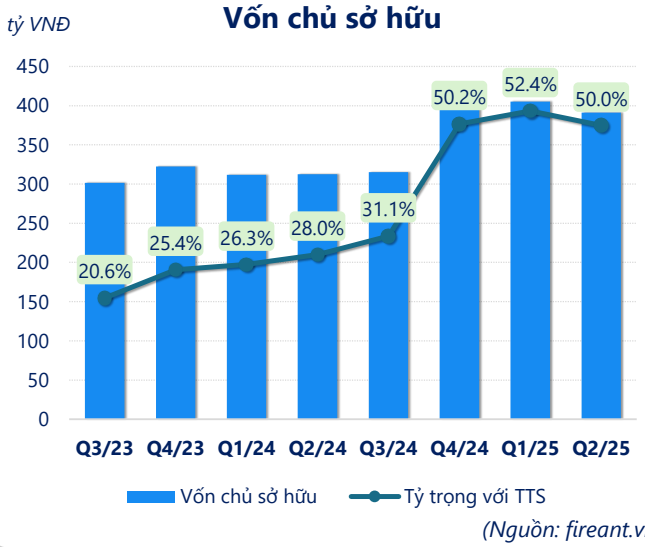
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



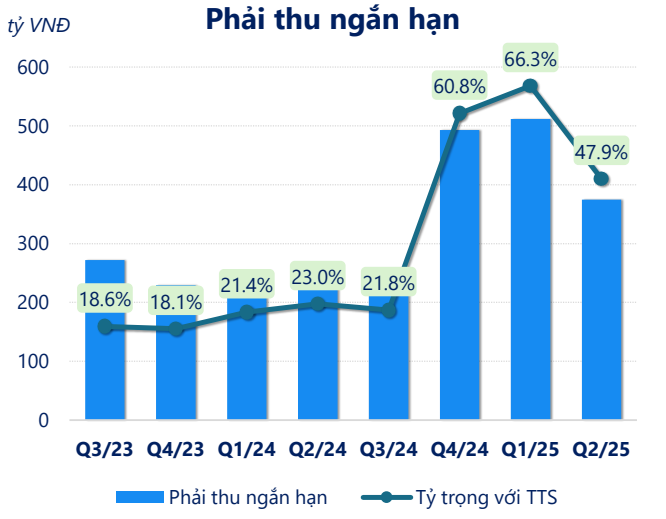
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



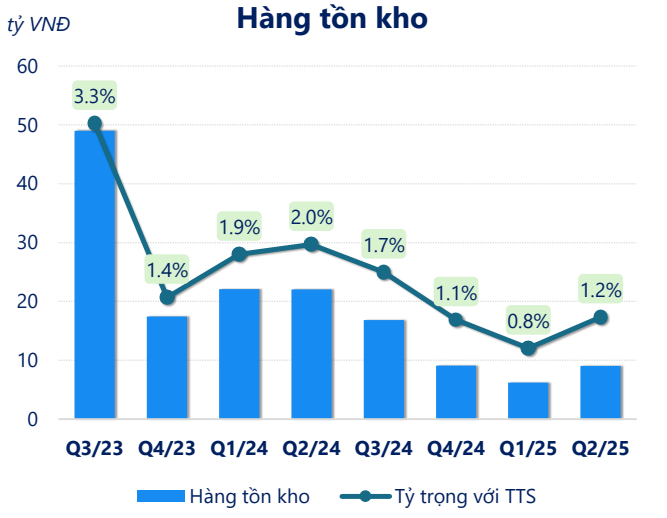
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



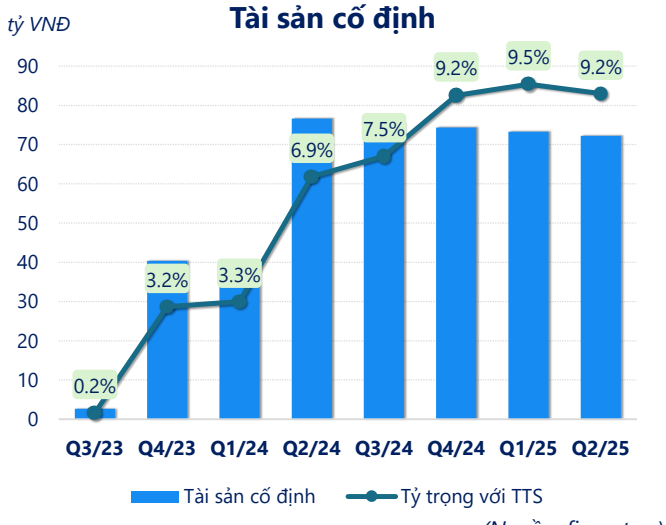
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



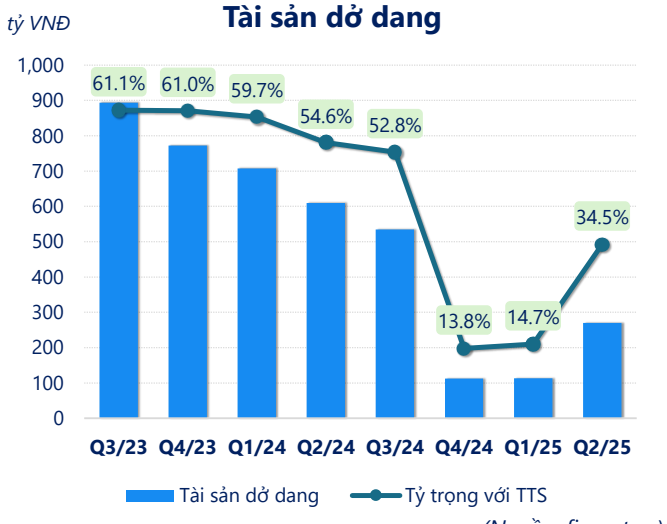
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



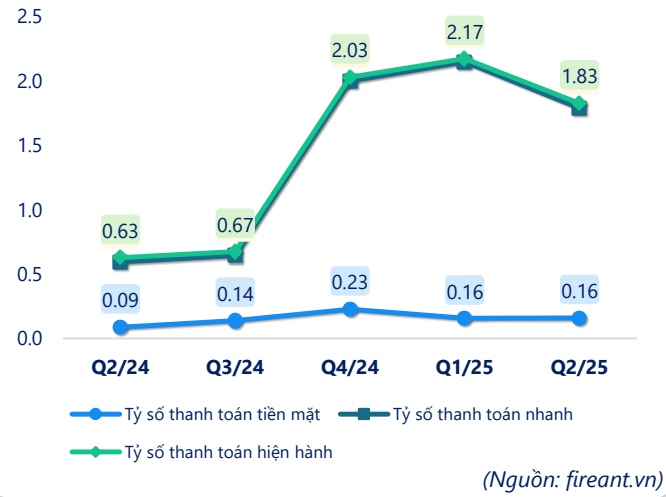
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



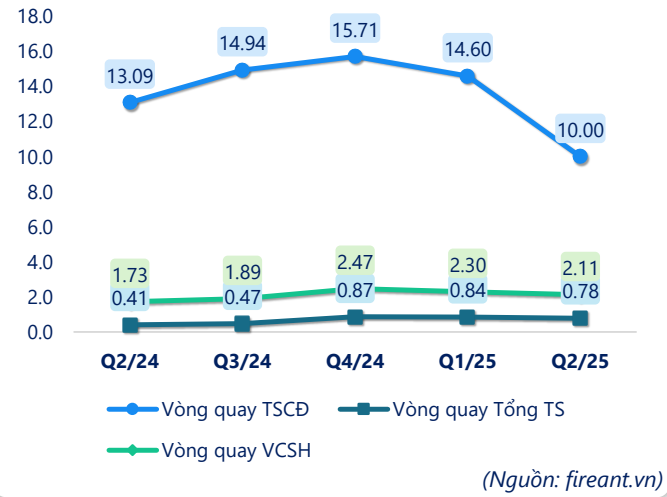
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,115**	**1,012**	**811**	**772**	**783**
Tài sản ngắn hạn	**416**	**392**	**606**	**571**	**425**
Tiền và tương đương tiền	57.8	80.9	67.8	41.0	37.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.1	37.2	35.2	9.19	0
Phải thu ngắn hạn	257	221	493	512	375
Hàng tồn kho	22.0	16.9	9.12	6.20	9.06
Tài sản ngắn hạn khác	40.1	35.5	1.48	2.93	3.91
Tài sản dài hạn	**699**	**621**	**204**	**201**	**358**
Phải thu dài hạn	0	-2.02	-2.02	0	0
Tài sản cố định	76.6	75.5	74.4	73.3	72.2
Bất động sản đầu tư	1.62	1.62	8.61	8.61	8.65
Tài sản dở dang	609	534	112	113	270
Đầu tư tài chính dài hạn	4.60	4.60	4.60	0.60	1.49
Tài sản dài hạn khác	0.90	0.83	0.76	5.27	5.76
Lợi thế thương mại	6.26	5.91	5.56	0	0
Nợ phải trả	**803**	**697**	**403**	**367**	**392**
Nợ ngắn hạn	**663**	**581**	**299**	**263**	**233**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.7	12.7	78.8	58.8	55.8
Phải trả người bán ngắn hạn	54.7	39.3	52.6	45.3	22.0
Nợ dài hạn	140	116	104	104	159
Vay và nợ thuê dài hạn	35.7	35.7	3.03	3.03	64.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**312**	**315**	**407**	**405**	**391**
Vốn chủ sở hữu	**312**	**315**	**407**	**405**	**391**
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)